TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2017/DS-PT
Ngày: 12 - 12 - 2017.

V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Thẩm phán: 1- Ông Nguyễn Văn Ngọt.

2- Ông Nguyễn Văn Dũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhẫn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2017/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 227/2017/QĐPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Thị T, sinh năm 1940; Địa chỉ: Số 187 ấp Đ, xã A, Huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

** Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn*: Luật sư Triệu Du L –Luật sư cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp Pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng (Đăng ký ngày 29/11/2017).

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị P, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 185 ấp Đ, xã A, Huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3. Người làm chứng:

3.1- Bà NLC1, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 09 ấp N, xã A, Huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3.2- Bà NLC2, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 05 ấp P, xã An Thạnh 2, Huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3.3- Ông NLC3, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 05 ấp P, xã An Thạnh 2, Huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3.4- Ông NLC4, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp L, xã A, Huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3.5- Bà NLC5, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số 32 ấp N, xã A, Huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3.6- Bà NLC6, sinh năm 1973; Địa chỉ: ấp Đ, xã A, Huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3.7- Bà NLC7, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số 187 ấp Đ, xã A, Huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3.8- Bà NLC8, sinh năm 1966; Địa chỉ: ấp Đ, xã A, Huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

4. Người kháng cáo: Bà Lâm Thị T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

1/. Nguyên đơn bà Lâm Thị T khởi kiện trình bày: Vào ngày 10/4/2015âl bà T có hợp đồng góp hụi với bà Đặng Thị P, do bà P làm đầu thảo hụi, hụi 2.000.000 đồng/tháng, hụi mỗi tháng khui 01 kỳ, dây hụi có 30 phần, trong dây hụi này bà T tham gia góp 01 phần, hình thức bỏ thăm hốt hụi là ai bỏ thăm số tiền cao nhất thì được hốt hụi, khi tham gia góp hụi thì bà P có giao cho bà T 01 tờ giấy có ghi tên các hụi viên tham gia góp hụi, khi hụi khui đến kỳ thứ 16 (ngày 10/7/2016 AL) thì bà T tham gia bỏ thăm hốt hụi với số tiền bỏ thăm là 465.000 đồng và được hốt hụi, đến ngày 20/7/2016 (ngày giao tiền hụi) thì bà P không giao tiền cho bà T mà nói là bà T đã hốt hụi rồi, phần tiền hụi này là của NLC7 con gái của bà T hốt được hụi và yêu cầu NLC7 qua nhà bà P ký nhận tiền giao hụi, NLC7 đã ký nhận tiền giao hụi. Ngày 10/8/2016 AL bà T tiếp tục qua nhà bà P tham gia bỏ thăm khui hụi, bà P không cho bà T tham gia khui hụi, bà P nói bà T đã hốt hụi ngày 10/7/2015 AL, nên bà T bỏ đi về nhà, đến ngày 20/8/2016 AL thì bà P đến nhà yêu cầu bà T phải góp hụi chết cho bà P, bà T không đồng ý góp hụi chết cho bà P, vì hụi bà T còn sống, nên giữa bà T và bà P phát sinh tranh chấp. Bà T xác định là ngày 10/7/2015 AL người hốt hụi là vợ Phúc là hụi viên trong dây hụi này, nhưng bà T không biết vợ Phúc là ai, vì ngày 10/7/2015 AL bà T không có tham gia bỏ thăm khui hụi, chỉ nghe bà P nói lại là vợ Phúc hốt hụi, nên bà T ghi chú vào giấy hụi mà bà P đã giao cho bà T tại cột có tên vợ Phúc với số tiền là 680.000 đồng, khi bà P đi gom tiền hụi thì bà P có giao cho bà T 01 tờ giấy (gọi là giấy gom tiền hụi), viết trên giấy tập học sinh, trong đó có ghi ngày, tháng, năm, phần hụi sống, phần hụi chết và số tiền bà T cần phải góp hụi cho bà P vì gia đình bà T có 03 người cùng tham gia góp hụi với bà P (NLC7, Nguyễn Thị Lệ T2 và bà Lâm Thị T). Cụ thể là 01 tờ giấy (gọi là giấy gom tiền hụi) tháng 07/2015 có nội dung: "hụi 3 triệu 2 chân 6.000.000, hụi 2 triệu 2 chân 4.000.000, hụi 1 chiệu 4 chân

2.745.000, hụi 2 chiệu 4 chân 5.400.000, 18.145.000 – 31.165.000 còn lạy 13.020.000, hụi 1 triệu 34 lần, hốt rồi 25 lần = 25.000.000, còn sống 09 lần = 6.665.000, 31.665.000, trừ có 500.000, tổng cộng 31.165.000, NLC7 hốt 15-7-2015" (sau đây viết tắt là giấy gom tiền hụi tháng 7/2015); 01 tờ giấy (gọi là giấy gom tiền hụi) tháng 03/2016 có nội dung: "10 hụi 2 triệu 2 chân sống 2.560.000, 10 hụi 2 triệu 2 chân chết 4.000.000, 15 hụi 1 triệu 4 chân chết 4.000.000, 15 hụi 2 triệu 2 chân sống 2.700.000, tổng + 13.260.000, Hụi NLC7 3 – 2016 AL" (sau đây viết tắt là giấy gom tiền hụi tháng 3/2016); 01 tờ giấy (gọi là giấy gom tiền hụi) tháng 04/2016 có nội dung: "10 2 chân 4.000.000, 10 2 sống 2.800.000, 15 2 sống 2.640.000, tổng + 9.440.000, NLC7 – 10 – 4 - 2016 ÂL" (sau đây viết tắt là giấy gom tiền hụi tháng 4/2016); 01 tờ giấy (gọi là giấy gom tiền hụi) không có ghi ngày, tháng, năm có nội dung: "10 - 2 chân 4.000.000, 10 - 2 chân 2.980.000, 15 - 2 chân 2.740.000" (sau đây viết tắt là giấy gom tiền hụi không ghi thời gian). Trong gia đình bà T có 02 người con gái của bà T là Nguyễn Thị Lệ T2 và NLC7 cũng tham gia góp hụi cùng với bà T trong dây hụi mở ngày 10/4/2015 AL, T2 tham gia góp 01 phần hụi, NLC7 tham gia góp 02 phần hụi, bà T tham gia góp 01 phần hụi. Nguyễn Thị Lệ T2 đã hốt phần hụi vào ngày 10/02/2016 AL, NLC7 hốt 01 phần hụi vào ngày 10/11/2015 AL và hốt 01 phần hụi vào ngày 10/7/2016 AL, còn phần hụi của bà T chưa hốt hụi. Ngoài ra, thì NLC7, bà T và bà T2 cũng có tham gia góp hụi do bà P làm đầu thảo nhiều dây hụi khác. Hàng tháng bà T không có ghi sổ theo dõi ai là người tham gia bỏ thăm và được hốt hụi và cũng không trực tiếp góp hụi cho bà P, hàng tháng bà P đến nhà T góp tiền hụi nói bao nhiêu thì con gái bà T là NLC7 trực tiếp góp tiền cho bà P, khi nào NLC7 không có ở nhà thì bà T là người trực tiếp góp tiền hụi cho bà P, tháng 03/2016, tháng 04/2016, tháng 05/2016 bà T là người người trực tiếp góp tiền hụi cho bà P, tháng 06/2016 thì con gái NLC7 trực tiếp góp tiền hụi cho bà P.

Do bà P vi phạm hợp đồng không cho bà T tham gia góp hụi, nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị P phải hoàn trả lại cho bà T số tiền hụi bà T đã góp cho bà P 15 kỳ hụi với tổng số tiền là 30.000.000 đồng.

2/. Bị đơn bà Đặng Thị P trình bày: Bà P và bà T có hợp đồng góp hụi với nhau, bà P là đầu thảo hụi, bà T là hụi viên, hụi mở ngày 10/4/2015 AL, hụi 2.000.000 đồng/tháng, hụi mỗi tháng khui 01 kỳ, dây hụi có 30 phần, trong dây hụi này bà T tham gia góp 01 phần, khi hụi khui đến kỳ thứ 4 (ngày 10/7/2015 AL) thì bà T tham gia bỏ thăm khui hụi với số tiền bỏ thăm là 650.000 đồng, là người đưa ra số tiền bỏ thăm cao nhất, nên bà T được lĩnh hụi, khi bà T tham gia bỏ thăm khui hụi thì có bà NLC1, bà NLC2, bà NLC5 và bà NLC6 là các hụi viên cùng tham gia bỏ thăm khui hụi và chứng kiến nghe, thấy bà T bỏ thăm với số tiền là 650.000 đồng và bà T là người được lĩnh hụi với số tiền là 41.100.000 đồng, sau khi trừ đi số tiền hoa hồng cho đầu thảo thì số tiền còn lại bà T được lĩnh hụi là 40.100.000 đồng. Ngày 20/7/2015 AL bà T đến nhà bà P nhận tiền được lĩnh hụi và bà P đã giao tiền hụi cho bà T đầy đủ, việc bà T nhận tiền hụi không có làm biên nhận nhận tiền chỉ trực tiếp giao nhận bằng lời nói, nhưng khi bà P giao tiền hụi cho bà T thì có bà NLC2, ông NLC3 và ông NLC4 trực tiếp chứng kiến việc bà P giao tiền hụi cho bà T. Sau khi lĩnh hụi thì bà T vẫn góp hụi chết cho bà P đầy đủ, tháng 7/2016 bà T tham gia bỏ thăm khui hụi thay cho NLC7 và NLC7 là

người được hốt hụi, bà P cũng đã giao tiền cho NLC7 đầy đủ, NLC7 cũng thừa nhận là tiền hụi NLC7 được hốt hụi và đã ký nhận tiền được hốt hụi cho bà P, tháng 8/2016 AL khi bà P đến nhà bà T yêu cầu bà T góp tiền hụi chết cho bà P thì bà T không góp tiền hụi cho bà P mà bà T nói với bà P là hụi bà T còn sống, bà T chưa hốt hụi do đó bà T không đồng ý tiếp tục góp tiền hụi chết cho bà P, bà P không đồng ý, nên có mời hết tất cả các hụi viên tham gia góp hụi trong dây hụi ngày 10/4/2015 AL đến để xác định và để chứng minh là trong dây hụi này (ngày 10/7/2015 AL) bà Lâm Thị T đã hốt hụi và nhận tiền hốt hụi. Đến ngày 10/8/2016 AL khi bà T qua bỏ thăm hốt hụi, bà P không đồng ý cho bà T tham gia bỏ thăm hốt hụi và có nói với bà T là bà P đã gửi đơn cho ban hòa giải ấp Đ để yêu cầu làm rõ sự việc bà T nói là bà T chưa hốt hụi. Từ đó giữa bà P và bà T xảy ra tranh chấp. Mỗi khi bà P đi gom tiền hụi thì có tháng bà P giao giấy (giấy gom tiền hụi) cho hụi viên, có tháng thì không có giao giấy (giấy gom tiền hụi) cho hụi viên, bà P thừa nhận vào tháng 03/2016, tháng 4/2016 bà có ghi nhầm số tiền hụi sống, hụi chết giao cho bà T, trong giấy gom hụi đó có ghi số tiền của rất nhiều phần hụi, vì gia đình bà T có 03 người cùng tham gia góp hụi với bà T với rất nhiều dây hụi, nhưng tháng 05/2016, tháng 06/2016 thì bà T vẫn góp tiền hụi chết cho bà P đầy đủ, còn giấy (giấy gom tiền hụi) tháng 07/2015 AL không phải chữ viết của bà P và 01 giấy (giấy gom tiền hụi) mà bà T gửi cho Tòa án không có ghi ngày, tháng, năm, nhưng bà T xác định là tháng 05/2016 thì bà P không thừa nhận đó là giấy (giấy gom tiền hụi) tháng 05/2016 AL. Trong dây hụi ngày 10/4/2015 thì trong giấy hụi có hụi viên tên là vợ Phúc, chỉ biết là vợ Phúc chứ không biết rõ họ tên gì, sau khi tham gia góp hụi đến kỳ thứ 02 thì vợ Phúc đã bán phần hụi của vợ Phúc lại cho bà P và bà P đã hốt phần hụi này vào ngày 10/5/2016 AL với số tiền bỏ thăm hốt hụi là 680.000 đồng. Sau khi bán phần hụi của mình thì vợ Phúc đã chuyển đi nơi khác, hiện nay bà P cũng không biết là vợ Phúc đã đi đâu, nên không cung cấp địa chỉ của vợ Phúc cho Tòa án được.

Bà P không chấp nhận yêu cầu của bà T yêu cầu bà P phải hoàn trả cho bà T số tiền hụi là 30.000.000 đồng, vì bà T đã hốt hụi rồi và Pin cũng đã giao tiền hụi cho bà T đầy đủ.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2017 đã quyết định như sau: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 161, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị T về việc yêu cầu bà Đặng Thị P phải hoàn trả cho bà T số tiền đã góp 15 kỳ hụi là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí giám định, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02-10-2017, nguyên đơn bà Lâm Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, buộc bà P phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền đã góp hụi 15 lần hụi sống là 30.000.000đ. Vì lý do phần hụi 2.000.000đ khui ngày 10-4-2015 bà đóng hụi sống đến ngày 10-7-2016 bà đi bỏ thăm khui hụi với số tiền 465.000 đồng là bà đi khui giùm cho con gái bà tên NLC7 được hốt hụi. Đến ngày 10-8-2016 bà đi tham gia khui hụi phần hụi của bà thì bà P không cho bà tham gia và nói phần hụi này đã chết từ ngày 10-7-2015 với số tiền kêu là 650.000đ là không có cơ sở. Do ngày 10-7-2015 theo danh sách những người tham gia góp hụi thì ngày này là do vợ anh Phúc hốt hụi với số tiền khui hụi là 650.000đ và cũng chính phần hụi của vợ anh Phúc là bà P mua lại của vợ anh Phúc, vì vợ Phúc không có tham gia góp hụi mà do bà P đặt tên danh sách của đầu thảo tự ghi là vợ Phúc kêu hụi là 680.000đ. Phần hụi của bà thì bà P đến tháng 3-4-5/2016 bà P vẫn gom hụi sống và có ghi lại giấy tờ. Nhưng bà P cho là bà hốt hụi ngày 10-7-2015 là không phù hợp.

* Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đưa ra những căn cứ, lập luận và cho rằng lời khai những người làm chứng cho bị đơn có sự thống nhất, bị ảnh hưởng nên không đảm bảo tính khách quan, trung thực; chứng cứ bị đơn cung cấp bị bôi xóa, sửa chữa nên cũng không khách quan; nguyên đơn đưa ra chứng cứ là giấy tính tiền và gom tiền hụi của bị đơn để chứng minh được phần hụi của nguyên đơn còn sống, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm buộc bị đơn phải trả tiền hụi theo yêu cầu của nguyên đơn.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm; Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều cung cấp thêm chứng cứ là các sổ ghi chép theo dõi hụi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của nguyên đơn Lâm Thị T là đúng theo quy định tại các Điều 271, Điều 272

và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Người làm chứng NLC3 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không gây trở ngại và cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[II] <u>Về nội dung</u>:

[1] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn Lâm Thị T và bị đơn Đặng Thị P trình bày và thừa nhận thống nhất: Bị đơn P có làm chủ hụi dây hụi có mức hụi 2.000.000 đồng, gồm 30 phần, nguyên đơn T là hụi viên tham gia 01 phần hụi do bị đơn P làm chủ hụi. Trong dây hụi này còn có các hụi viên tham gia chơi hụi như: Nguyễn Thị Lệ T2 tham gia 01 phần hụi, NLC7 tham gia 02 phần hụi và NLC8 tham gia 01 phần hụi nhưng đã bán lại cho bà Phượng (con và cháu nguyên đơn T), NLC1 tham gia 01 phần hụi, NLC2 tham gia 02 phần hụi, NLC5 tham gia 01 phần hụi, NLC6 tham gia 01 phần hụi và mua lại của NLC8 tham gia 01 phần hụi, Trần Thị T3 tham gia 01 phần, Trần Thị Y tham gia 01 phần, Dương Thị H tham gia 02 phần, Huỳnh Văn B tham gia 01 phần, Bùi Minh V tham gia 02 phần, Trần Thị Út E tham gia 01 phần, Mai Thị B2 tham gia 01 phần, Nguyễn Thị Ngọc L tham gia 01 phần, Nguyễn Thị T4 tham gia 02 phần, Trần Thị Thu S tham gia 01 phần. Thỏa thuận khi khui hụi, hụi viên nào bỏ thăm ra lời cao nhất thì được hốt hụi, hụi viên được hốt phải trả hoa hồng cho chủ hụi số tiền 1.000.0000 đồng. Đây là thuộc tình tiết nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tuy nhiên, theo nguyên đơn T thì phần hụi của nguyên đơn là hụi sống, nguyên đơn đóng đến kỳ khui hụi ngày 10/8/2016 âl nguyên đơn đến nhà bị đơn P tham gia bỏ thăm khui hụi, nhưng bị đơn P không cho nguyên đơn tham gia bỏ thăm khui hụi và cho là phần hụi của nguyên đơn T đã hốt vào ngày 10/7/2015 âl, nên nguyên đơn bỏ đi về nhà và đến ngày 20/8/2016 âl thì bị đơn P đến nhà yêu cầu nguyên đơn phải góp hụi chết cho bị đơn P, nguyên đơn T không đồng ý góp hụi chết cho bị đơn P nên phát sinh tranh chấp. Phần hụi này nguyên đơn đóng cho bị đơn được 15 lần, nên bị đơn còn nợ lại nguyên đơn 30.000.000 đồng (2.000.000 đồng x 15 lần).

[3] Ngược lại, theo bị đơn P cho rằng phần hụi của nguyên đơn khui hụi đến lần thứ 4 (ngày 10/07/2015 âl) thì nguyên đơn bỏ thăm ra lời đến 650.000 đồng là người đưa ra số tiền lời cao nhất, nên nguyên đơn T được hốt hụi với số tiền là 41.100.000 đồng, sau khi trừ đi số tiền hoa hồng cho đầu thảo thì số tiền còn lại nguyên đơn T nhận là 40.100.000 đồng, nên phần hụi của nguyên đơn là hụi chết. Sau khi hốt hụi nguyên đơn T góp hụi chết cho bị đơn đầy đủ, nhưng đến tháng 8/2016 âl khi bị đơn đến nhà nguyên đơn yêu cầu nguyên đơn góp tiền hụi chết, nguyên không góp tiền hụi mà cho là phần hụi của nguyên đơn còn sống nên không đồng ý tiếp tục góp tiền hụi chết và phát sinh tranh chấp.

[4] Xét thấy, theo các bên thừa nhận và trình bày thì đây là hụi có lãi và là hụi hưởng hoa hồng, nên chủ hụi (bị đơn P) phải có nghĩa vụ lập, giữ sổ hụi, các giấy tờ liên quan đến hụi, cung cấp các thông tin liên quan đến hụi khi có yêu cầu và thực hiện các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận được quy định tại Điều 17, Điều 24 và khoản 1, 5, 6 Điều 15 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Đồng thời, bị đơn P là chủ hụi nên phải có nghĩa vụ chứng minh phần hụi của nguyên đơn T có hốt không và phần hụi này còn là hụi sống hay hụi chết theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4.1] Để chứng minh cho việc nguyên đơn T đã hốt phần hụi thì bị đơn P có đưa ra một số người làm chứng để chứng minh. Theo lời khai và tại phiên tòa phúc thẩm người làm chứng NLC1, NLC2, NLC5 và NLC6 đều xác nhận "*ngày 10/07/2015 âl có đến nhà bị đơn P để tham gia bỏ thăm hốt hụi, có mặt nguyên đơn T cùng tham gia bỏ thăm hốt hụi, trong đó nguyên đơn T ra lời 650.000đồng là người ra lời cao nhất nên được hốt hụi*". Đồng thời, người làm chứng NLC4, NLC2 và NLC3 (chồng NLC2) xác nhận "*khoảng 16 giờ ngày 20/07/2015 đến nhà bị đơn T rủ chồng bị đơn nhậu và góp hụi, nên có nghe và thấy bị đơn P giao tiền hụi cho nguyên đơn T nhận số tiền là 40.100.000đồng*". Mặt khác, những người làm chứng Trần Thị T3, Trần Thị Y, Dương Thị H, Bùi Minh V, Trần Thị Út E, Mai Thị B2, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị T4 và Trần Thị Thu S tuy không trực tiếp tham gia khui hụi và bỏ thăm hốt hụi vào ngày 10/07/2015 âl, nhưng cũng đều xác nhận "*không chứng kiến bà T tham gia bỏ hụi, nhưng sau đó bà P đi gom tiền hụi thì có hỏi ai là người bỏ thăm hốt hụi ngày 10/07/2015 âl, thì bà P nói bà T hốt hụi*". Tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn T và bị đơn P đều xác nhận những người làm chứng nêu trên là người hàng xóm láng giềng, quen biết cả hai bên, cùng là hụi viên với nguyên đơn T trong cùng dây hụi do bị đơn P làm chủ, những người làm chứng không mâu thuẫn bên nào và cũng không bị ảnh hưởng bởi bên nào, nên lời khai của họ đảm bảo tính khách quan, trung thực và có giá trị pháp lý, được xác định là chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 5 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4.2] Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cung cấp cho Hội đồng xét xử sổ theo dõi ghi hụi, tính tiền hụi mỗi lần hụi viên hốt hụi và ngày hốt hụi. Tại phiên tòa NLC7 xác nhận sổ theo dõi ghi hụi do bị đơn cung cấp, về nội dung ghi những lần khui hụi, hụi viên hốt hụi, tính tiền hụi mỗi lần hụi viên hốt hụi và ngày hốt hụi là hoàn toàn đúng, nhưng riêng chỉ có lần khui hụi và hốt hụi ngày 10/07/2015 âl ghi bà T là không đúng. Đồng thời, tại phiên tòa những người làm chứng đều xác nhận nội dung ghi những lần khui hụi, hụi viên hốt hụi, tính tiền hụi mỗi lần hụi viên hốt hụi và ngày hốt hụi là hoàn toàn đúng với thực tế.

[5] Ngoài ra, để chứng minh cho phần hụi của mình chưa hốt và còn hụi sống, nguyên đơn T đưa ra chứng cứ gồm giấy gom tiền hụi tháng 7/2015, giấy gom tiền hụi tháng 3/2016, giấy gom tiền hụi tháng 4/2016, giấy gom tiền hụi không ghi thời gian và người làm chứng là NLC7, NLC8 để chứng minh phần hụi của nguyên đơn tại thời điểm tháng 7/2015, tháng 3, 4 và 5/2016 là hụi sống. Đối với tờ giấy gom tiền hụi tháng 7/2015 bị đơn P thì không thừa nhận là giấy này do

minh viết, theo Kết luận giám định số 1745/C54B ngày 13/07/2017 của Phân viện khoa học hình sự Bộ công an tại Thành phố Hồ Chí Minh không kết luận được cùng chữ viết do bị đơn P viết ra. Đồng thời, tờ giấy gom tiền hụi không ghi thời gian nguyên đơn T xác định đó là giấy gom hụi tháng 05/2016 do bị đơn P giao, nhưng cũng không được bị đơn P thừa nhận, nội dung giấy này cũng không ghi rõ ràng phần hụi sống, phần hụi chết là của dây hụi ngày tháng năm nào và của nguyên đơn T hay NLC7, đối chiếu với số tiền bỏ thăm hốt hụi ngày 10/05/2016 do bị đơn P trình bày, do hụi viên Tùng và Bông theo dõi ghi lại trong giấy hụi thì khui hụi ngày 10/05/2016 ra lời đến 680.000 đồng, nên 02 phần hụi phải góp tiền hụi là 2.640.000 đồng (1.320.000 đồng x 02), nhưng số tiền trong giấy này chênh lệch và không trùng khớp, nguyên đơn T cũng không chứng minh được giấy này do bị đơn P giao để gom tiền hụi của tháng 05/2016. Đối với giấy gom tiền hụi tháng 3/2016 và giấy gom tiền hụi tháng 4/2016 ghi gộp nhiều phần hụi, trong đó có hụi sống và hụi chết, nhưng cũng không rõ ràng, cụ thể là của ai. Do đó, các giấy gom tiền hụi nêu trên do nguyên đơn cung cấp không đảm bảo tính khách quan, nên không có giá trị pháp lý dùng làm chứng cứ để chứng minh theo quy định tại Điều 93 và khoản 2 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5.1] Đối với người làm chứng NLC7, NLC8 đều xác nhận phần hụi của nguyên đơn T chưa hốt, còn hụi sống, nhưng NLC7 và NLC8 là con và cháu nguyên đơn T, nên lời khai bị ảnh hưởng và không đảm bảo tính khách quan, trung thực. Do vậy, người làm chứng của nguyên đơn T đưa ra chưa đảm bảo tính khách quan, trung thực nên không có giá trị pháp lý để xác định là chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 5 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5.2] Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn cung cấp cho Hội đồng xét xử 02 sổ ghi chép theo dõi hụi để chứng minh thêm, nhưng 02 sổ này do NLC7 tự ghi và không được bị đơn thừa các nội dung ghi, nên cũng không có giá trị pháp lý để xác định là chứng cứ để chứng minh.

[6] Như đã nhận định, theo nguyên đơn khởi kiện cho rằng phần hụi chưa hốt, còn hụi sống và góp hụi sống được 15 lần nên yêu cầu bị đơn trả lại số tiền hụi 30.000.000 đồng (2.000.000 đồng x 15 lần) là chưa đủ căn cứ. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn T cũng không đưa ra được chứng cứ mới hoặc chứng cứ khác để chứng minh cho việc phần hụi chưa hốt, còn hụi sống và bị đơn P còn nợ số tiền hụi theo khởi kiện. Nếu sau này có căn cứ chứng minh và còn thời hiệu khởi kiện thì nguyên đơn T cũng có quyền khởi kiện theo quy định pháp luật. Do vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật.

[7] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, nhận thấy toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn Lâm Thị T là không có cơ sở, nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[7.1] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7.2] Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm buộc bị đơn phải trả tiền hụi theo yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ như đã phân tích trên.

[7.3] Sau khi đã thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Tuy kháng cáo không được chấp nhận, nhưng nguyên đơn là người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm, vì nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lâm Thị T.

2/- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 18 tháng 09 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Như sau:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 161, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị T về việc yêu cầu bà Đặng Thị P phải hoàn trả cho bà T số tiền đã góp 15 kỳ hụi là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

2. Về chi phí giám định: Bà Lâm Thị T phải chịu số tiền chi phí giám định là 1.210.000 đồng (Một triệu, hai trăm mười ngàn đồng), nhưng bà T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí giám định là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) theo phiếu thu số T03 ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Bà T được nhận lại số tiền tạm ứng chi phí giám định thừa là 7.790.000 đồng (Bảy triệu, bảy trăm chín mươi ngàn đồng). Như vậy, bà T đã nộp xong tiền chi phí giám định.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thị T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Lâm Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001093 ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Bà Đặng Thị P không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3/- Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn Lâm Thị T được miễn nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện C;
- Chi cục THA.DS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hùng Nuôi